

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai Tài sản công năm 2024
của Trường trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Kế hoạch số 8298/KH-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị và kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017;

Căn cứ quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 18 tháng 07 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tài sản công năm 2024 của Trường trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An (Biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Công bố công khai tài sản công năm 2024 được công khai đến toàn thể Cán bộ, giáo viên, nhân viên trên cổng thông tin điện tử.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Website đơn vị;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bảo Ngọc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS - THPT Thạnh An
Mã đơn vị: 1127428
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

Ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Phan Thị Hồng Thúy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Bảo Ngọc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS - THPT Thạnh An
Mã đơn vị: 1127428
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất tại Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, Tp.HCM (đ/c cũ); Ấp Thạnh Bình, xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, Tp.HCM (đ/c mới);	800,00	720.000		800,00																
2	Đất-ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, Tp.HCM tại ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, Tp.HCM	6.356,10	5.720.490		6.356,10																
3	Phòng học									2014	256,00	307.200	186.348		256,00						
4	Phòng học -phòng làm việc									2017	4.839,00	59.351.635	47.475.373		4.839,00						
5	Phòng học dãy trái									2014	288,00	1.927.835	1.169.425		288,00						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
6	Phòng làm việc									2014	256,00	307.200	186.348		256,00						
	Tổng cộng:	7.156,10	6.440.490		7.156,10						5.639,00	61.893.870	49.017.492		5.639,00						

Ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Phan Thị Hồng Thúy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Bảo Ngọc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS - THPT Thạnh An
Mã đơn vị: 1127428
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		536	18.334.122	18.334.122		7.366.546							
1	Bảng điện tử chạy chữ ngoài trời	Trường THCS Thạnh An	1	52.500	52.500		28.875							
2	Máy lạnh	Trường THPT Thạnh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
3	Máy lạnh	Trường THPT Thạnh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
4	Máy lạnh	Trường THPT Thạnh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
5	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
6	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
7	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
8	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
9	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
10	Máy chiếu phòng học	Trường THPT Thạnh An	1	33.700	33.700				x					
11	Máy chiếu 3D	Trường THPT Thạnh An	1	50.050	50.050				x					
12	Màn hình tương tác	Trường THPT Thạnh An	1	204.750	204.750				x					
13	Màn hình tương tác	Trường THPT Thạnh An	1	204.750	204.750		25.594		x					
14	Màn hình tương tác	Trường THPT Thạnh An	1	204.750	204.750		25.594		x					
15	Màn chiếu 3D	Trường THPT Thạnh An	1	20.020	20.020				x					
16	Hệ thống đào tạo, tập huấn	Trường THPT Thạnh An	1	10.920	10.920				x					
17	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thạnh An	1	24.500	24.500		3.063		x					
18	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thạnh An	1	24.500	24.500		3.063		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thanh An	1	24.500	24.500		3.063		x					
20	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thanh An	1	24.500	24.500		3.063		x					
21	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thanh An	1	24.500	24.500		3.063		x					
22	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THPT Thanh An	1	24.500	24.500		3.063		x					
23	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Vật lý	Trường THPT Thanh An	1	270.407	270.407		33.801		x					
24	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Toán	Trường THPT Thanh An	1	42.450	42.450		5.306		x					
25	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Tin học	Trường THPT Thanh An	1	86.500	86.500		10.813		x					
26	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Thiết bị chung nhiều môn học	Trường THPT Thanh An	1	247.000	247.000		30.875		x					
27	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Thể dục	Trường THPT Thanh An	1	177.200	177.200		22.150		x					
28	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Sinh học	Trường THPT Thanh An	1	336.200	336.200		42.025		x					
29	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh An	1	11.500	11.500		1.438		x					
30	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Ngoại Ngữ	Trường THPT Thanh An	1	38.400	38.400		4.800		x					
31	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
32	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
33	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
34	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
35	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
36	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
37	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
38	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
39	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
40	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
41	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
42	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
43	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
44	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
45	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
46	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
47	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
48	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
49	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Lịch sử	Trường THPT Thanh An	1	14.200	14.200		1.775		x					
50	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
51	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
52	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
53	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
54	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
55	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
56	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
57	Máy thu/chiếu vật thể	Trường THPT Thanh An	1	16.300	16.300				x					
58	Máy thu/chiếu vật thể	Trường THPT Thanh An	1	16.300	16.300				x					
59	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
60	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
61	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
62	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
63	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
64	Máy lạnh	Trường THPT Thanh An	1	21.670	21.670		2.709		x					
65	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
66	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
67	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Hướng nghiệp	Trường THPT Thanh An	1	150.000	150.000		18.750		x					
68	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Hóa	Trường THPT Thanh An	1	226.300	226.300		28.288		x					
69	Thiết bị đo khoản cách dùng tia laser	Trường THCS Thanh An	1	20.169	20.169		12.606							
70	Thiết bị đo khoản cách dùng tia laser	Trường THCS Thanh An	1	20.169	20.169		12.606							
71	Tài liệu số tham khảo	Trường THCS Thanh An	1	12.600	12.600		7.875							
72	Súng bắn đinh bu long	Trường THCS Thanh An	1	15.900	15.900		9.938							
73	Súng bắn đinh bu long	Trường THCS Thanh An	1	15.900	15.900		9.938							
74	Sa bàn nhỏ	Trường THCS Thanh An	1	39.000	39.000		24.375							
75	Sa bàn nhỏ	Trường THCS Thanh An	1	39.000	39.000		24.375							
76	Sa bàn lớn	Trường THCS Thanh An	1	48.000	48.000		30.000							
77	Phần mềm thư viện mô phỏng tương tác 3D	Trường THCS Thanh An	1	380.000	380.000		237.500							
78	Phần mềm phân hệ quản lý thư viện (gồm 9 phân hệ)	Trường THCS Thanh An	1	64.000	64.000		40.000							
79	Pa lăng	Trường THCS Thanh An	1	14.445	14.445		9.028							
80	Pa lăng	Trường THCS Thanh An	1	14.445	14.445		9.028							
81	Lò nướng	Trường THCS Thanh An	1	14.500	14.500		9.063							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
82	Khâu hiệu	Trường THCS Thanh An	1	22.000	22.000		13.750							
83	Kệ áp tường	Trường THCS Thanh An	1	24.000	24.000		15.000							
84	Hệ thống chuông tự động báo giờ không dây	Trường THCS Thanh An	1	28.000	28.000		17.500							
85	Hệ thống camera HDCVI	Trường THCS Thanh An	1	68.600	68.600		42.875							
86	Dù che sân trường	Trường THCS Thanh An	1	44.000	44.000		27.500							
87	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Vật lý	Trường THCS Thanh An	1	297.150	297.150		185.719							
88	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Vật lý	Trường THCS Thanh An	1	297.150	297.150		185.719							
89	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Toán	Trường THCS Thanh An	1	46.650	46.650		29.156							
90	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Toán	Trường THCS Thanh An	1	46.650	46.650		29.156							
91	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Toán	Trường THCS Thanh An	1	46.650	46.650		29.156							
92	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Tin học	Trường THCS Thanh An	1	95.119	95.119		59.449							
93	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Tin học	Trường THCS Thanh An	1	95.119	95.119		59.449							
94	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn TD	Trường THCS Thanh An	1	194.740	194.740		121.713							
95	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn TD	Trường THCS Thanh An	1	194.740	194.740		121.713							
96	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Sinh	Trường THCS Thanh An	1	369.450	369.450		230.906							
97	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Sinh	Trường THCS Thanh An	1	369.450	369.450		230.906							
98	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
99	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
100	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
101	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
102	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Giáo dục công dân	Trường THPT Thanh An	1	11.200	11.200		1.400		x					
103	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Địa lý	Trường THPT Thanh An	1	25.100	25.100		3.138		x					
104	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Công nghệ	Trường THPT Thanh An	1	87.500	87.500		10.938		x					
105	Bồn rửa inox công nghiệp (3 học)	Trường THPT Thanh An	1	29.120	29.120		3.640		x					
106	Bồn rửa inox công nghiệp (2 học)	Trường THPT Thanh An	1	21.800	21.800		2.725		x					
107	Bộ Bàn ghế họp 10 chỗ ngồi	Trường THPT Thanh An	1	29.600	29.600		3.700		x					
108	Bàn họp Hội đồng giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	16.400	16.400		2.050		x					
109	Vòi sen +Bồn rửa mặt khăn cấp	Trường THCS Thanh An	1	14.450	14.450		9.031							
110	Vòi sen +Bồn rửa mặt khăn cấp	Trường THCS Thanh An	1	14.450	14.450		9.031							
111	Vòi sen +Bồn rửa mặt khăn cấp	Trường THCS Thanh An	1	14.450	14.450		9.031							
112	Vòi sen +Bồn rửa mặt khăn cấp	Trường THCS Thanh An	1	14.450	14.450		9.031							
113	Tượng Bác Hồ	Trường THCS Thanh An	1	12.500	12.500		7.813							
114	Tủ trung tâm -hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	28.500	28.500		17.813							
115	Tủ trung tâm -hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	28.500	28.500		17.813							
116	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông - môn Hoạt động ngoài giờ lên lớp	Trường THPT Thanh An	1	150.000	150.000		18.750		x					
117	Tủ thư viện di động	Trường THCS Thanh An	1	59.500	59.500		37.188							
118	Tủ đựng hóa chất	Trường THCS Thanh An	1	12.000	12.000		7.500							
119	Trụ+Lưới Cầu Long	Trường THCS Thanh An	1	16.000	16.000		10.000							
120	Trụ bóng rổ	Trường THCS Thanh An	1	24.000	24.000		15.000							
121	Trụ bóng rổ	Trường THCS Thanh An	1	24.000	24.000		15.000							
122	Trang trí toàn trường	Trường THCS Thanh An	1	159.000	159.000		99.375							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
123	Trang trí phòng	Trường THCS Thanh An	1	59.600	59.600		37.250							
124	Trang trí phòng	Trường THCS Thanh An	1	59.600	59.600		37.250							
125	Trang trí phòng	Trường THCS Thanh An	1	59.600	59.600		37.250							
126	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
127	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
128	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
129	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
130	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
131	Trang trí lớp học	Trường THCS Thanh An	1	23.400	23.400		14.625							
132	Tủ đựng hóa chất	Trường THCS Thanh An	1	12.000	12.000		7.500							
133	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Ngữ Văn	Trường THCS Thanh An	1	12.720	12.720		7.950							
134	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
135	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
136	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
137	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
138	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
139	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
140	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
141	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
142	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
143	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
144	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
145	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
146	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
147	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
148	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
149	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
150	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
151	Ôn áp 10KVA	Trường THPT Thanh An	1	16.560	16.560				x					
152	Ôn áp 10KVA	Trường THPT Thanh An	1	16.560	16.560				x					
153	Ôn áp 10KVA	Trường THPT Thanh An	1	16.560	16.560				x					
154	Ôn áp 10KVA	Trường THPT Thanh An	1	16.560	16.560				x					
155	Máy vi tính phòng 3D	Trường THPT Thanh An	1	18.600	18.600				x					
156	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
157	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
158	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
159	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
160	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
161	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
162	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
163	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
164	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
165	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
166	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
167	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
168	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
169	Tivi 42"	Trường THPT Thanh An	1	17.350	17.350				x					
170	Tivi 42"	Trường THPT Thanh An	1	17.350	17.350				x					
171	Tivi 42"	Trường THPT Thanh An	1	17.350	17.350				x					
172	Thiết bị tương tác cầm tay	Trường THPT Thanh An	1	16.960	16.960				x					
173	Sa bàn nhỏ	Trường THPT Thanh An	1	35.490	35.490		4.436		x					
174	Sa bàn lớn	Trường THPT Thanh An	1	43.680	43.680		5.460		x					
175	Phần mềm thư viện mô phỏng tương tác 3D	Trường THPT Thanh An	1	345.800	345.800		276.640		x					
176	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
177	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
178	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
179	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
180	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
181	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
182	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
183	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
184	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
185	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
186	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
187	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
188	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
189	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
190	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
191	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
192	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
193	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
194	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
195	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
196	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
197	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
198	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
199	Phần mềm điều khiển quản lý hệ thống giảng dạy	Trường THPT Thanh An	1	11.690	11.690		9.352		x					
200	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
201	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
202	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
203	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
204	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
205	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
206	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
207	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
208	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
209	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
210	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
211	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
212	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
213	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
214	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
215	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
216	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
217	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
218	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
219	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
220	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
221	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
222	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
223	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
224	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
225	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
226	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
227	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
228	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
229	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
230	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					
231	Máy vi tính	Trường THPT Thanh An	1	15.050	15.050				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
232	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
233	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
234	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
235	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
236	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
237	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
238	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
239	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
240	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
241	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
242	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
243	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
244	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
245	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
246	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
247	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
248	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
249	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
250	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
251	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
252	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
253	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
254	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
255	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
256	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
257	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
258	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
259	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
260	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
261	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
262	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
263	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
264	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
265	Máy vi tính giáo viên	Trường THPT Thanh An	1	15.000	15.000				x					
266	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Thanh An	1	13.800	13.800				x					
267	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Ngữ Văn	Trường THCS Thanh An	1	12.720	12.720		7.950							
268	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Ngữ Văn	Trường THCS Thanh An	1	12.720	12.720		7.950							
269	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Ngoại ngữ	Trường THCS Thanh An	1	42.158	42.158		26.349							
270	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
271	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
272	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
273	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
274	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
275	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
276	Máy tính xách tay NotebooDell Vostro 14 (3458)	Trường THCS Thanh An	1	13.420	13.420		6.375							
277	Máy tính xách tay	Trường THCS Thanh An	1	20.290	20.290		9.638							
278	Máy tính xách tay	Trường THCS Thanh An	1	15.941	15.941									
279	Máy tính xách tay	Trường THCS Thanh An	1	20.290	20.290		8.116							
280	Máy tính chủ server	Trường THCS Thanh An	1	55.200	55.200		22.080							
281	Máy quay phim	Trường THCS Thanh An	1	20.900	20.900		8.360							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
282	Máy photo Canon	Trường THCS Thanh An	1	82.743	82.743		10.989							
283	Máy photo	Trường THCS Thanh An	1	96.100	96.100									
284	Máy phát tần số	Trường THCS Thanh An	1	22.149	22.149		12.182							
285	Máy phát tần số	Trường THCS Thanh An	1	22.149	22.149		12.182							
286	Máy laptop Lenovo	Trường THCS Thanh An	1	14.750	14.750									
287	Máy laptop HP Pavilion DV 2700-2021	Trường THCS Thanh An	1	23.100	23.100									
288	Máy lạnh Tosiba	Trường THCS Thanh An	1	15.706	15.706									
289	Máy lạnh Tosiba	Trường THCS Thanh An	1	15.706	15.706									
290	Máy lạnh Daikin1.5HP	Trường THCS Thanh An	1	11.760	11.760									
291	Máy lạnh Daikin 2HP	Trường THCS Thanh An	1	17.565	17.565									
292	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
293	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
294	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
295	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
296	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
297	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
298	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
299	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
300	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
301	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
302	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
303	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
304	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
305	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
306	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
307	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
308	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
309	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
310	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
311	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
312	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	11.220	11.220									
313	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	11.220	11.220									
314	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
315	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
316	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
317	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
318	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	11.220	11.220									
319	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
320	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
321	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
322	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
323	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
324	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	11.220	11.220									
325	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
326	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
327	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
328	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
329	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
330	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
331	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
332	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
333	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
334	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
335	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
336	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
337	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
338	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
339	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
340	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
341	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
342	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
343	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
344	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
345	Hệ thống âm thanh di động	Trường THCS Thanh An	1	20.500	20.500		8.200							
346	Hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	62.381	62.381		24.952							
347	Hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	62.381	62.381		24.952							
348	Hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	62.381	62.381		24.952							
349	Hệ thống âm thanh	Trường THCS Thanh An	1	62.381	62.381		24.952							
350	Đầu máy DVD-Karaoke	Trường THCS Thanh An	1	12.350	12.350		4.940							
351	Đầu đọc mã vạch 2D cầm tay	Trường THCS Thanh An	1	15.700	15.700		8.635							
352	Dàn đèn sân khấu 4 cây	Trường THCS Thanh An	1	15.200	15.200		8.360							
353	Dàn đèn sân khấu 4 cây	Trường THCS Thanh An	1	15.200	15.200		8.360							
354	Camera vật thể	Trường THCS Thanh An	1	17.900	17.900		9.845							
355	Bộ điều khiển giáo viên (bao gồm tai nghe)	Trường THCS Thanh An	1	42.500	42.500		23.375							
356	Bảng tương tác thông minh INNO IWB 89i10	Trường THCS Thanh An	1	50.490	50.490		27.770							
357	Bảng tương tác thông minh	Trường THCS Thanh An	1	67.011	67.011		11.727							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
358	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
359	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
360	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
361	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
362	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
363	Bảng tương tác điện tử	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
364	Bảng điện tử tương tác	Trường THCS Thanh An	1	225.000	225.000		123.750							
365	Bảng điện tử chạy chữ ngoài trời	Trường THCS Thanh An	1	52.500	52.500		28.875							
366	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
367	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
368	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
369	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
370	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
371	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
372	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
373	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
374	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
375	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
376	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
377	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
378	Máy in Lazer Canon 3500	Trường THCS Thanh An	1	16.400	16.400									
379	Máy in Laserjet A3	Trường THCS Thanh An	1	31.800	31.800		12.720							
380	Máy in A3 màu	Trường THCS Thanh An	1	32.230	32.230		12.892							
381	Máy chiếu-Màn chiếu	Trường THCS Thanh An	1	37.075	37.075		14.830							
382	Máy chiếu-Màn chiếu	Trường THCS Thanh An	1	37.075	37.075		14.830							
383	Máy chiếu-Màn chiếu	Trường THCS Thanh An	1	37.075	37.075		14.830							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
384	Máy lạnh	Trường THCS Thanh An	1	23.818	23.818									
385	Máy chiếu-Màn chiếu	Trường THCS Thanh An	1	37.075	37.075		14.830							
386	Máy chiếu SONY	Trường THCS Thanh An	1	35.200	35.200									
387	Máy chiếu siêu gần	Trường THCS Thanh An	1	32.780	32.780		13.112							
388	Máy chiếu cự ly	Trường THCS Thanh An	1	32.741	32.741									
389	Máy chiếu 3D	Trường THCS Thanh An	1	89.000	89.000		35.600							
390	Máy ảnh kỹ thuật số	Trường THCS Thanh An	1	11.500	11.500		4.600							
391	Màn chiếu 3D	Trường THCS Thanh An	1	27.300	27.300		10.920							
392	Hệ thống phát thanh	Trường THCS Thanh An	1	65.595	65.595		26.238							
393	Hệ thống Multimedia	Trường THCS Thanh An	1	26.250	26.250									
394	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
395	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
396	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
397	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
398	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
399	Hệ thống bảng trượt ngang	Trường THCS Thanh An	1	26.900	26.900		14.795							
400	Máy chiếu vật thể	Trường THCS Thanh An	1	16.638	16.638									
401	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
402	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	13.773	13.773									
403	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	11.220	11.220									
404	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
405	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
406	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
407	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
408	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
409	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
410	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
411	Biển thể nguồn phòng bộ môn	Trường THCS Thanh An	1	15.350	15.350		9.594							
412	Bảng tin ngoài trời	Trường THCS Thanh An	1	12.000	12.000		7.500							
413	Bàn thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	20.500	20.500		12.813							
414	Bàn thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	20.500	20.500		12.813							
415	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
416	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
417	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
418	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
419	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
420	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
421	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
422	Bàn thí nghiệm học sinh	Trường THCS Thanh An	1	43.900	43.900		27.438							
423	Bàn thí nghiệm giáo viên	Trường THCS Thanh An	1	31.276	31.276		19.548							
424	Bàn thí nghiệm giáo viên	Trường THCS Thanh An	1	31.276	31.276		19.548							
425	Bàn họp toàn trường	Trường THCS Thanh An	1	36.000	36.000		22.500							
426	Bàn hội đồng giáo viên họp	Trường THCS Thanh An	1	18.000	18.000		11.250							
427	Tủ lạnh	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		6.000							
428	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
429	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
430	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
431	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
432	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
433	Bộ bàn ghế học sinh thí nghiệm lý ,cn	Trường THCS Thanh An	1	33.950	33.950		21.219							
434	Bộ bàn ghế họp 10 chỗ ngồi	Trường THCS Thanh An	1	32.500	32.500		20.313							
435	Bộ bàn ghế họp 10 chỗ ngồi	Trường THCS Thanh An	1	32.500	32.500		20.313							
436	Bộ bàn ghế họp 10 chỗ ngồi	Trường THCS Thanh An	1	32.500	32.500		20.313							
437	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Ngoại ngữ	Trường THCS Thanh An	1	42.158	42.158		26.349							
438	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Mỹ Thuật	Trường THCS Thanh An	1	15.194	15.194		9.496							
439	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Lịch sử	Trường THCS Thanh An	1	15.515	15.515		9.697							
440	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Lịch sử	Trường THCS Thanh An	1	15.515	15.515		9.697							
441	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Hóa Học	Trường THCS Thanh An	1	248.675	248.675		155.422							
442	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Hóa Học	Trường THCS Thanh An	1	248.675	248.675		155.422							
443	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn GDCD	Trường THCS Thanh An	1	12.350	12.350		7.719							
444	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn GDCD	Trường THCS Thanh An	1	12.350	12.350		7.719							
445	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Đại lý	Trường THCS Thanh An	1	27.550	27.550		17.219							
446	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Đại lý	Trường THCS Thanh An	1	27.550	27.550		17.219							
447	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Công nghệ	Trường THCS Thanh An	1	96.086	96.086		60.054							
448	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Công nghệ	Trường THCS Thanh An	1	96.086	96.086		60.054							
449	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Công nghệ	Trường THCS Thanh An	1	96.086	96.086		60.054							
450	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS môn Âm nhạc	Trường THCS Thanh An	1	39.160	39.160		24.475							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
451	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
452	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS dùng chung nhiều môn	Trường THCS Thanh An	1	304.506	304.506		190.316							
453	Chi phí lắp đặt phòng thí nghiệm lý ,hóa, sinh ,Cn	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		9.375							
454	Chi phí lắp đặt phòng thí nghiệm lý ,hóa, sinh ,Cn	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		9.375							
455	Chi phí lắp đặt phòng thí nghiệm lý ,hóa, sinh ,Cn	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		9.375							
456	Chi phí lắp đặt phòng thí nghiệm lý ,hóa, sinh ,Cn	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		9.375							
457	Chi phí lắp đặt phòng thí nghiệm lý ,hóa, sinh ,Cn	Trường THCS Thanh An	1	15.000	15.000		9.375							
458	Chi phí lắp đặt mạng	Trường THCS Thanh An	1	10.000	10.000		6.250							
459	Bồn rửa thị cá công nghiệp (2 học)	Trường THCS Thanh An	1	24.000	24.000		15.000							
460	Bồn rửa rau inox công nghi65p (3 học)	Trường THCS Thanh An	1	32.000	32.000		20.000							
461	Bồn rửa rau inox công nghi65p (3 học)	Trường THCS Thanh An	1	32.000	32.000		20.000							
462	Bộ trống da	Trường THCS Thanh An	1	18.400	18.400		11.500							
463	Bộ gõ trống cái ,trống com	Trường THCS Thanh An	1	10.200	10.200		6.375							
464	Bộ dụng cụ sơ cứu	Trường THCS Thanh An	1	11.100	11.100		6.938							
465	Bộ bàn ghế hợp 14 chỗ ngồi	Trường THCS Thanh An	1	27.540	27.540		17.213							
466	Bộ bàn ghế hợp 10 chỗ ngồi	Trường THCS Thanh An	1	32.500	32.500		20.313							
467	Đàn organ cho giáo viên	Trường THCS Thanh An	1	18.800	18.800		11.750							
468	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
469	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
470	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
471	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
472	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
473	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
474	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
475	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
476	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
477	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
478	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
479	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
480	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
481	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
482	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
483	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
484	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
485	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
486	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
487	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
488	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
489	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
490	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
491	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
492	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
493	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
494	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
495	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
496	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
497	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
498	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
499	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
500	Máy vi tính	Trường THCS Thanh An	1	15.850	15.850		6.340							
501	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
502	Tivi 42"	Trường THPT Thanh An	1	17.350	17.350				x					
503	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
504	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
505	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
506	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
507	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
508	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
509	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
510	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
511	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
512	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
513	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
514	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
515	Tivi LCD+ Khung giá treo	Trường THCS Thanh An	1	18.900	18.900		7.560							
516	Ổn áp 30KVA (bao gồm hệ thống điện)	Trường THCS Thanh An	1	34.500	34.500		18.975							
517	Ổn áp 30KVA (bao gồm hệ thống điện)	Trường THCS Thanh An	1	34.500	34.500		18.975							
518	Ổn áp 30KVA (bao gồm hệ thống điện)	Trường THCS Thanh An	1	34.500	34.500		18.975							
519	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thanh An	1	14.700	14.700		5.880							
520	Ổn áp 20KVA	Trường THCS Thanh An	1	13.000	13.000									
521	Ổn áp 10KVA	Trường THCS Thanh An	1	18.200	18.200		10.010							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
522	Ô áp 30KVA(bao gồm hệ thống điện)	Trường THCS Thạnh An	1	34.500	34.500		18.975							
523	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
524	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
525	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
526	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
527	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
528	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
529	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
530	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
531	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
532	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
533	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
534	Máy vi tính trạm (không ổ cứng)	Trường THCS Thạnh An	1	14.700	14.700		5.880							
535	Ôn áp 10KVA	Trường THCS Thạnh An	1	18.200	18.200		10.010							
536	Tủ lạnh	Trường THPT Thạnh An	1	12.740	12.740				x					

Ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Phan Thị Hồng Thúy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Bảo Ngọc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS - THPT Thạnh An
Mã đơn vị: 1127428
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo

(Ký họ tên)



Phan Thị Hồng Thúy

Nơi: 26 tháng 4 năm 2025.
Thủ trưởng đơn vị
TRƯỞNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
-TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THẠNH AN
NGUYỄN BAO NGỌC

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS - THPT Thạnh An
Mã đơn vị: 1127428
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ngày....)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ngày....)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phan Thị Hồng Thúy

Ngày 26 tháng 4 năm 2025.
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Bảo Ngọc